

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 24-01-2018

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Châu Hồng Q, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn bà Lê Thị Ch trình bày: Vào ngày 23 tháng 9 năm 2014, ông Nguyễn Thái S có hỏi mượn bà số tiền 35.000.000 đồng, sau đó ông Nguyễn Thái S hỏi mượn bà thêm 15.000.000

đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/ 01 tháng. Sau khi hỏi mượn tiền cho đến nay ông Nguyễn Thái S không nộp lãi theo thỏa thuận mà chỉ trả cho bà số tiền gốc là 22.000.000 đồng. Hiện ông Nguyễn Thái S còn nợ bà 28.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi tới thời điểm này là 12.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thái S trả cho bà số tiền vốn vay và lãi suất là 40.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa bà Ch cho rằng sau khi khởi kiện ông S có trả cho bà được 5.000.000đ. Bà yêu cầu ông S trả số tiền gốc là 23.000.000 đồng và số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Thái S với số tiền là 11.000.000 đồng

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 12 năm 2017 bị đơn ông Nguyễn Thái S trình bày: Ông thừa nhận ông có làm biên nhận thể hiện có nợ bà Lê Thị Ch số tiền là 50.000.000đ. Từ khi vay cho đến nay ông đã trả cho bà Ch được 30.000.000đ, ông đồng ý trả cho bà Ch số tiền 20.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 12 năm 2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Hồng Q trình bày: Bà Ch yêu cầu bà trả số tiền vay và lãi suất bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của bà Ch. Việc ông S chồng bà vay tiền của bà Ch sử dụng vào mục đích gì bà không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ch, buộc ông S và bà Q trả cho bà Ch số tiền gốc là 23.000.000đ và tiền lãi 6.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ch khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thái S là bị đơn và bà Châu Hồng Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q.

[3] Tại phiên tòa bà Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền 11.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa bà Ch cho rằng ông S có vay của bà số tiền 50.000.000đ, tại biên nhận ngày 23 tháng 09 năm 2014 thể hiện ông S có vay của bà Ch số tiền

50.000.000đ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ông S thừa nhận có vay của bà Ch số tiền 50.000.000đ. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ông S vay bà Ch số tiền 50.000.000đ là có thật. Bà Ch cho rằng trong quá trình vay ông S có trả cho bà số tiền 27.000.000đ, ông S còn nợ số tiền 23.000.000đ, bà Ch yêu cầu ông S trả số tiền 23.000.000đ và lãi suất từ lúc vay đến nay với số tiền 6.000.000đ. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ông S cho rằng đã trả cho bà Ch số tiền 30.000.000đ nhưng ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về việc đã trả cho bà Ch số tiền 30.000.000đ. Bà Ch chỉ thừa nhận ông S đã trả cho bà số tiền 27.000.000đ nên bà Ch yêu cầu ông S trả số tiền gốc 23.000.000đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Ch yêu cầu ông S trả lãi với số tiền là 6.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy ông S có nghĩa vụ trả cho bà Ch tổng cộng 29.000.000đ, trong đó tiền gốc 23.000.000đ và tiền lãi 6.000.000đ. Do nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S và bà Q nên buộc ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ch số tiền là 29.000.000đ.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.450.000đ. Bà Lê Thị Ch không phải chịu án phí, bà Ch đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Điều 147; Điều 218; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

*** Tuyên xử:**

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Thái S trả số tiền 11.000.000đ của bà Lê Thị Ch, nếu có tranh chấp có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ch. Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ch số tiền 29.000.000đ (hai mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 23.000.000đ và tiền lãi là 6.000.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Châu Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 1.450.000đ. Bà Lê Thị Ch không phải chịu án phí, bà Ch đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0006679 ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Ch được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bà Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông S và bà Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều